

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/ HNGĐ- ST

Ngày 15/02/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư T, phường C, thị xã C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư B- T, phường C, thị xã C, tỉnh H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường C, thị xã C, tỉnh H; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh S kết hôn ngày 10 tháng 12 năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, nay là UBND phường C. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc

được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Q trình bày là do anh S cứ uống rượu vào là chửi bới, to tiếng, đánh chị. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Sau khi tỉnh rượu, anh S lại xin lỗi, vì thương con còn nhỏ nên chị về sống với anh S nhưng vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Mỗi lần, anh S đi chơi hay vào quán Bar là quay video và chụp ảnh với người phụ nữ khác để gửi cho chị biết. Chị Q không chịu đựng được nên đến tháng 10 năm 2017, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S nên đến tháng 5 năm 2018 chị đã làm đơn xin ly hôn anh S ra Tòa án nhân dân thị xã C. Nhưng sau đó, chị lại rút đơn về. Thực tế, vợ chồng vẫn không về ăn ở với nhau. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 27-10-2010 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13-8-2005. Khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cháu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Về tài sản chung, nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S đã được Tòa án nhân dân thị xã C triệu tập nhiều lần hợp lệ nhưng anh không đến Tòa án, cũng như không trình bày quan điểm và ký kết bất kỳ văn bản nào của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Qua xác minh với trưởng khu dân cư T, bà K - mẹ đẻ anh S, bà D- mẹ đẻ chị Q và hàng xóm láng giềng sinh sống cạnh nhà anh S chị Q xác nhận: Chị Q và anh S sinh sống với nhau hơn 10 năm nay. Quá trình sinh sống, anh S có uống rượu, chửi bới hàng xóm láng giềng nên không ai tham gia vào việc gia đình vợ chồng anh chị. Thời gian anh chị sinh sống cùng với nhau, anh chị có nghi ngờ, ghen tuông và không tin tưởng ở nhau. Kể từ năm 2017, chị Q đã về nhà bố mẹ đẻ ở T- B sinh sống, thỉnh thoảng cuối tuần chị Q về đón con đi chơi. Anh S làm nghề lái xe, hiện đang sinh sống cùng bà K ở khu dân cư T, phường C, thị xã C, tỉnh H. Khoảng hơn một năm nay, chị Q và anh S đã không sinh sống cùng với nhau. Nay chị Q xin ly hôn anh S thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quý: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Q ly hôn anh S. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 27-

10-2010 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13-8-2005 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh S, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Về quan hệ tài sản: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Vũ Thị Q khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn S có địa chỉ cư trú tại phường C, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn S là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2004 tại UBND phường C, thị xã C nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau thời gian ngắn hòa thuận, anh chị có mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và không tin tưởng lòng thủy chung của nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng căng thẳng nên từ tháng 9/2017 chị Q đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh S không trình bày quan điểm về việc chị Q xin ly hôn, vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án không có lý do chính đáng và nhằm gây khó khăn cho chị Q. Đến nay, bản thân anh S không có biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng. Yêu cầu ly hôn của chị Q phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Con chung của anh chị là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 27-10-2010 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13-8-2005. Khi ly hôn, xét nguyện vọng chị Q muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cháu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H, cháu T và phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do anh S vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu H cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị Q và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Q:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Q ly hôn anh Nguyễn Văn S.

- Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 27-10-2010 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13-8-2005 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Chị Q, anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0000975 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Các đương sự;
- UBND phường C, thị xã C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thu Hương